

NGÂN HÀNG TMCP QUỐC TẾ VIỆT NAM (HOSE:VIB)

NGÂN HÀNG

- Lợi nhuận trước thuế Q2/26 đạt 2,383 tỷ đồng, giảm 8.2% svck do chi phí dự phòng tăng gấp đôi, dù lợi nhuận trước dự phòng tăng 13.4%.
- NIM duy trì ổn định ở mức 3.1%; tỷ lệ nợ xấu giảm xuống 2.93%, nhưng nợ nhóm 2 và nhóm 3 gia tăng là những chỉ tiêu cần tiếp tục theo dõi.

VIB Q2/26: Thu nhập lãi thuần và phí dịch vụ hỗ trợ tăng trưởng; chi phí dự phòng gây áp lực lên lợi nhuận

Tổng thu nhập hoạt động tăng 4.9% svck nhờ thu nhập lãi thuần và hoạt động dịch vụ, trong khi lỗ ngoại hối và chứng khoán kéo giảm thu nhập ngoài lãi

Tổng thu nhập hoạt động (TNHD) Q2/26 đạt 5,368 tỷ đồng, tăng 4.9% svck, chủ yếu nhờ thu nhập lãi thuần (TNLT) tăng 10.1%. Thu nhập ngoài lãi giảm 12.9% từ mức nền cao và do khoản lỗ ngoại hối và chứng khoán đầu tư lần lượt 423 và 49 tỷ đồng bù trừ phần lớn mức tăng của thu nhập dịch vụ.

Lãi thuần từ dịch vụ đạt 1,075 tỷ đồng, tăng 168.0% svck, được hỗ trợ đáng kể bởi 702 tỷ đồng thu nhập từ phân phối bảo hiểm qua ngân hàng (bancassurance). Trong bối cảnh NIM chịu áp lực, VIB xác định ba động lực tăng trưởng phí gồm: phí thẻ, với mức tăng khoảng 20–30%/năm trong tám năm qua, gần với chi tiêu thẻ và số lượng thẻ đang hoạt động; bancassurance, vốn đóng góp mạnh từ giai đoạn 2018–2019; và dịch vụ ngân hàng giao dịch/ngân hàng doanh nghiệp, được xem là động lực mới nổi. Lũy kế 6T/26, TNHD đạt 11,228 tỷ đồng, tăng 15.5% svck; trong đó TNLT tăng 9.1% và thu nhập ngoài lãi tăng 40.2%.

NIM gần như đi ngang khi lợi suất tài sản tăng được hấp thụ bởi chi phí vốn; cơ cấu tín dụng dịch chuyển sang doanh nghiệp trong khi CASA suy giảm

NIM Q2/26 đạt 3.1%, gần như không thay đổi svck. Lợi suất tài sản sinh lãi đạt 8.3%, tăng 142 điểm cơ bản (đcb), nhưng mức cải thiện này bị hấp thụ gần hết bởi chi phí vốn tăng 149 đcb, đạt 5.6%. Tăng trưởng tín dụng tiếp tục chậm lại, cho vay khách hàng đạt 397,083 tỷ đồng, chỉ tăng 4.0% so với đầu năm (YTD), thấp hơn mức 9.9% của cùng kỳ năm trước. Dư nợ đối với các công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần tăng 19.6% YTD, nâng tỷ trọng từ 27.6% lên 31.8%; trong khi cho vay cá nhân giảm 2.0%, kéo tỷ trọng từ 69.8% xuống 65.8%. Cơ cấu kỳ hạn cũng dịch chuyển nhẹ sang các khoản vay dài hạn, với tỷ trọng cho vay trung và dài hạn tăng từ 58.4% lên 59.5%.

Ở chiều nguồn vốn, tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn (CASA) giảm từ 14.6% cuối năm 2025 xuống 11.9%, trong khi tỷ trọng tiền gửi có kỳ hạn tăng từ 85.4% lên 88.1%. Mặc dù vậy, tiền gửi khách hàng vẫn tăng 7.8% YTD và cao hơn mức bình quân ngành theo công bố của VIB. Điều này cho thấy áp lực chủ yếu nằm ở cơ cấu và giá vốn, thay vì khả năng huy động. Ban lãnh đạo đặt mục tiêu duy trì NIM quanh mức hiện tại trong nửa cuối năm, đồng thời cho biết đang xem xét huy động khoảng 500 triệu USD trong tổng danh mục vốn quốc tế tiềm năng khoảng 1 tỷ USD, tùy thuộc vào chi phí và điều kiện thị trường.

Tỷ lệ nợ xấu giảm nhờ tăng trưởng tín dụng và đẩy mạnh xử lý rủi ro; nợ nhóm 2 và nhóm 3 gia tăng cần tiếp tục được theo dõi

Chi phí dự phòng Q2/26 tăng 101.5% svck lên 1,281 tỷ đồng; lũy kế 6T/26 đạt 2,486 tỷ đồng, tăng 135.2%. Số dư nợ xấu cuối Q2 đạt 11,617 tỷ đồng, tăng khoảng 2.5% so với đầu năm. Tuy nhiên, nhờ dư nợ cho vay tăng nhanh hơn, tỷ lệ nợ xấu (NPL) giảm 4 điểm cơ bản so với cuối năm 2025 và 63 điểm cơ bản svck, xuống 2.93%. Bên cạnh đó, VIB đã sử dụng khoảng 2,282 tỷ đồng dự phòng để xử lý rủi ro trong 6T/26, tăng 11.6% svck, trong đó riêng Q2 đạt 1,113 tỷ đồng. Việc đẩy mạnh xử lý rủi ro góp phần đưa nợ nhóm 5 giảm 9.7% so với đầu năm, xuống 5,742 tỷ đồng, qua đó kiểm soát quy mô nợ xấu nội bảng.

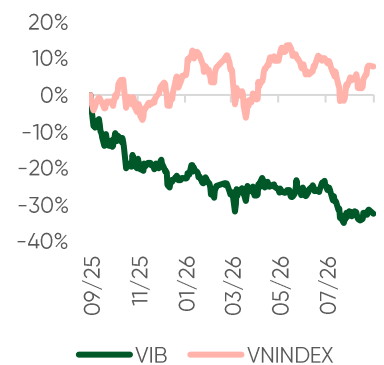
Giá hiện tại	VND 14,700
Cao nhất 52T	VND 21,800
Thấp nhất 52T	VND 14,200
Giá mục tiêu	VND 16,900
Tiềm năng tăng giá	14.7%
Tỷ suất cổ tức	6.1%
Tổng mức sinh lời	20.8%

Vốn hóa thị trường (Tỷ đồng)	50,038.8
KLGD TB 10 phiên (Triệu)	10.7
Room NN còn lại (%)	1.7%
Số CP lưu hành (triệu)	3,404.0

	VIB	VNI
P/E trượt 12T	6.7x	12.5x
P/B hiện tại	1.1x	2.1x
ROAA trượt 12T	1.3%	2.7%
ROAE trượt 12T	15.7%	17.2%

*Dữ liệu ngày 03/09/2026

Diễn biến giá cổ phiếu



Giá CP (%)	1T	3T	12T
VIB	-1.0	-7.5	-32.4
VN-INDEX	3.7	0.5	7.7

Cơ cấu cổ đông

Đỗ Xuân Hoàng	4.92%
Đặng Khắc Vỹ	4.92%
Trần Thị Thảo Hiền	4.90%
CTCP Funderra	4.65%
Khác	80.61%

Tổng quan doanh nghiệp

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam (VIB) được thành lập ngày 18/09/1996. Ngân hàng tập trung vào các hoạt động kinh doanh cốt lõi gồm huy động vốn và cấp tín dụng. Ngoài ra, VIB còn cung cấp các dịch vụ ngân hàng quốc tế, kinh doanh ngoại tệ và đầu tư tài chính, đồng thời chú trọng quản trị rủi ro và bảo toàn vốn. Cổ phiếu VIB chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) từ cuối 2020.

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Anh Minh

minhna@vpbanks.com.vn

Ở chiều ngược lại, nợ nhóm 2 tăng 11.4% so với đầu năm lên 10,184 tỷ đồng, khiến tỷ lệ nợ nhóm 2 tăng 17 điểm cơ bản lên 2.6%. Nợ nhóm 3 cũng tăng 26.9% lên 2,727 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ 0.7%, tăng khoảng 12 điểm cơ bản. Ban lãnh đạo cho biết nợ nhóm 2 gia tăng một phần do lãi suất cho vay cao hơn ảnh hưởng đến dòng tiền của khách hàng. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLR) cải thiện nhẹ từ 42.9% cuối năm 2025 lên 43.6%, nhưng vẫn thuộc nhóm tương đối thấp trong ngành.

Kiểm soát chi phí hỗ trợ lợi nhuận trước dự phòng, nhưng chi phí tín dụng gia tăng tiếp tục gây áp lực lên LNTT

Chi phí hoạt động Q2/26 giảm 9.6% svck xuống 1,704 tỷ đồng, chủ yếu nhờ chi phí nhân viên giảm 18.0%. Trong khi tổng thu nhập hoạt động vẫn tăng 4.9%, việc tiết giảm chi phí giúp CIR thu hẹp từ 36.9% xuống 31.7% và lợi nhuận trước dự phòng tăng 13.4% svck lên 3,664 tỷ đồng. Lũy kế 6T/26, CIR đạt 31.7%, nằm trong mục tiêu 30–35% của ngân hàng.

Tuy nhiên, chi phí dự phòng tăng 101.5% svck lên 1,281 tỷ đồng đã hấp thụ toàn bộ mức tăng của lợi nhuận trước dự phòng, khiến LNTT Q2/26 giảm khoảng 8.2% xuống 2,383 tỷ đồng.

Kết quả hợp nhất của VIB trong Q2/26 và 6T/26

	Q2/25	Q2/26	6T25	6T26	% sv dự phóng 2026 của VPBS
Thu nhập lãi thuần (svck)	-8.1%	10.1%	-11.2%	9.1%	45.9%
Thu nhập ngoài lãi (svck)	59.0%	-12.9%	19.6%	40.2%	52.1%
Tổng TN hoạt động (svck)	1.5%	4.9%	-6.2%	15.5%	47.4%
Chi phí hoạt động (svck)	4.4%	-9.6%	-0.9%	-2.4%	41.5%
Lợi nhuận trước dự phòng (svck)	-0.1%	13.4%	-9.1%	26.3%	50.7%
Chi phí dự phòng (svck)	-43.7%	101.5%	-49.1%	135.2%	60.8%
Lợi nhuận trước thuế (svck)	23.4%	-8.2%	8.9%	3.4%	46.9%
Tăng trưởng cho vay (từ đầu năm)	9.9%	4.0%	9.9%	4.0%	
Tăng trưởng tiền gửi (từ đầu năm)	10.2%	7.8%	10.2%	7.8%	
Biên lãi thuần	3.1%	3.1%	3.0%	3.0%	
Lợi suất tài sản	6.8%	8.3%	6.7%	7.9%	
Chi phí vốn	4.1%	5.6%	4.1%	5.3%	
Tỷ lệ CASA	16.8%	11.9%	16.8%	11.9%	
Tỷ lệ chi phí/Thu nhập	36.9%	31.7%	37.5%	31.7%	
ROAE	18.4%	16.2%	18.4%	16.2%	
Tỷ lệ nợ xấu/Dư nợ cho vay	3.6%	2.9%	3.6%	2.9%	
Tỷ lệ nợ nhóm 2/Dư nợ cho vay	2.9%	2.6%	2.9%	2.6%	
Tỷ lệ bao phủ nợ xấu	37.2%	43.6%	37.2%	43.6%	

Nguồn: Báo cáo công ty, VPBankS Research

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Phân tích Ngành và Cổ phiếu chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Phân tích Ngành và Cổ phiếu không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Các nhận định, khuyến nghị, so sánh trong bản báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn trọng, theo đánh giá chủ quan của người lập là hợp lý tại thời điểm thực hiện báo cáo. Do đó các phân tích này có thể thay đổi trong tương lai theo tình hình biến động thực tế mà chúng tôi không có trách nhiệm tự động cập nhật liên tục, trừ trường hợp được yêu cầu chính thức từ Ban lãnh đạo Công ty hoặc ràng buộc trong các điều khoản, điều kiện của hợp đồng kinh tế đã được công ty ký kết với các đối tác liên quan.

Báo cáo phân tích, định giá này nhằm mục đích tham khảo và không có giá trị pháp lý như một chứng thư thẩm định giá. Báo cáo phân tích này và các tài liệu đi kèm được lập bởi Phòng Phân tích Ngành và Cổ phiếu – CTCP Chứng khoán VPBank, tất cả các quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến báo cáo này đều thuộc sở hữu của CTCP Chứng khoán VPBank. Công ty nghiêm cấm mọi việc sử dụng, in ấn, sao chép, tái xuất bản toàn bộ hoặc từng phần bản báo cáo này vì bất cứ mục đích gì mà không có sự chấp thuận của Công ty.

Công ty cổ phần Chứng khoán VPBank

Tầng 21 và 25, VPBank Tower, 89 Láng Hạ, phường Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 1900 636679

Email: cskh@vpbanks.com.vn

Website: www.vpbanks.com.vn

Phòng Phân tích Ngành và Cổ phiếu

Email: equityresearch@vpbanks.com.vn